

Bản án số: 301/2022/DS-PT

Ngày: 24 -11-2022

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Út

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Đặng Minh Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Trâm – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Điện - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 tháng 10 và 24 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 206/2022/TLPT-DS ngày 25 tháng 8 năm 2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 92/2022/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 215/2022/QĐPT-DS ngày 06 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Hồng S**, sinh năm 1957 (Có mặt).

Cư trú tại: Ấp Đông Hưng, xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước, Cà Mau.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Hồng S:*

Anh **Trà Hưng P** – sinh năm 1993 (Có mặt).

Cư trú tại: Ấp Đông Hưng, xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước, Cà Mau.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Hồng S:*

Luật sư **Trịnh Thanh L** – Văn phòng Luật sư Trịnh Thanh L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Bị đơn:* 1. Bà **Đỗ Thị U1**, sinh năm 1962 (Vắng mặt).

2. Ông **Võ Tiến B1**, sinh năm 1982 (Có mặt).

3. Bà **Nguyễn Hồng N1**, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

4. Ông **Võ Văn T1** (Tuy), sinh năm 1959 (đã chết).

Cùng cư trú tại: Ấp Đông Hưng, xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Võ Văn T1 (Tuy):*

1. Bà **Đỗ Thị U1**, sinh năm 1962 (Vắng mặt).
2. Ông **Võ Tiến B1**, sinh năm 1982 (Có mặt).
3. Ông **Võ Trường Hậu**, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp Đông Hưng, xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị U1, bà Nguyễn Hồng N1 và ông Võ Trường Hậu: Ông Võ Tiến B1*, sinh năm 1982 (Có mặt).

Cư trú tại: Ấp Đông Hưng, xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện Cái N (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 2, thị t, huyện C, tỉnh C ..

2. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Cái N (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 2, thị t, huyện C, tỉnh C.

3. Ông **Lê Xuân H2 (Xuân Huynh)**, sinh năm 1963 (Có mặt).

4. Bà **Đặng Thị C**, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Cư trú tại: Khóm 2, thị t, huyện C, tỉnh C.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị C:*

Ông **Lê Xuân H2 (Xuân Huynh)**, sinh năm 1963 (Có mặt).

Cư trú tại: Khóm 2, thị t, huyện C, tỉnh C.

- *Người kháng cáo: Ông Võ Tiến B1 và bà Đỗ Thị U1 – Là bị đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà Nguyễn Hồng S và anh Trà Hưng P thống nhất trình bày:

Bà S có 01 phần đất tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh C . đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1997, phần đất có diện tích là 25.750 m². Trong quá trình sử dụng đất bà S đã chuyển nhượng cho người khác một phần đất có diện tích là 10.781,9m², còn lại một phần có diện tích là 14.968,1m².

Phần đất của bà S giáp ranh đất với phần đất của ông T1 (Tuy), bà U1, anh B1 và chị N1 ở hướng Bắc. Vào năm 2004 giữa gia đình bà S và gia đình ông T1 (Tuy) đã xác định ranh đất và đã có cắm cột mốc xác định ranh đất với nhau. Do ông T1 (Tuy) nhiều lần di dời cột mốc, nên bà S có yêu cầu địa chính xã Tân Hưng Đông tiến hành đo đạc thực tế thì phát hiện phía gia đình ông T1 (Tuy) đã lấn chiếm phần đất của bà có chiều ngang mặt tiền giáp Quốc lộ 1A là 3,6 mét, chiều ngang mặt hậu là 3,8 mét, chiều dài là 277,2 mét.

Nay bà S yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cái Nước giải quyết buộc ông T1 (Tuy), bà U1, anh B1 và chị N1 phải trả lại cho bà phần đất đã lấn chiếm theo đo đạc thực tế: 1.016,5m².

Bị đơn trình bày: Tại biên bản hòa giải ngày 15 tháng 11 năm 2017 ông Võ Văn T1 xác định nguồn gốc đất là của cha ông cho ông vào năm 1981 có chiều

ngang là 14 tầm lớn, đất cày cấy nhưng đã có bờ ranh giáp với đất của bà S, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vào khoảng năm 1993 thì phía gia đình bà S có tranh chấp đất với ông Lưu Trường Khánh nên có tiến hành đo đạc và cắm 03 cột mốc bằng trụ bê tông từ mé sông đến hậu đất để xác định ranh giới đất với ông để đo chiều ngang về phía đất ông Khánh. Đến khoảng năm 2016 thì những cột mốc này bị mục đổ và phía bên bà S dùng trụ đá mới cắm lại và cắm qua đất của ông nên ông mới nhổ bỏ. Phần đất của ông hiện nay ông đã cho anh B1 và chị N1 diện tích 03 công tầm 03 mét ở hậu đất. Nay trước yêu cầu của bà S ông xác định ông không có lấn đất của bà S nên không đồng ý trả đất theo yêu cầu của bà S.

Bà Đỗ Thị U1, anh Võ Tiến B1 và chị Nguyễn Hồng N1: Thống nhất với lời trình bày của ông T1 (Tuy) và không có ý kiến gì thêm.

Đối với UBND huyện Cái Nước là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đã được thông báo thụ lý vụ án và đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng và cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng S đối với ông Võ Văn T1 (Tuy), bà Đỗ Thị U1, anh Võ Tiến B1 và chị Nguyễn Hồng N1.

Đối với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt nam – Chi nhánh huyện Cái Nước: Đã được thông báo thụ lý vụ án và đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng và cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng S đối với ông Võ Văn T1 (Tuy) bà Đỗ Thị U1, anh Võ Tiến B1 và chị Nguyễn Hồng N1.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Ông Lê Xuân H2 (Huỳnh) xác định phần đất tranh chấp nguyên đơn đòi bị đơn không nằm trong Giấy CNQSDĐ của ông H2.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước đề nghị: Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đối với bị đơn.

Từ nội dung vụ án nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Hồng S. Buộc bà Đỗ Thị U1, anh Võ Tiến B1 và chị Nguyễn Hồng N1 phải trả lại cho bà S phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 1.016,5 m², phần đất có vị trí tứ cận như sau:

- + Phía Bắc giáp đất ông Võ Văn T1 (Tuy) cạnh M₃M₈ dài 278,54 mét;
- + Phía Nam giáp đất bà Nguyễn Hồng S cạnh M₄M₉ dài 278 mét;
- + Phía Đông giáp đất Quốc lộ 1A cạnh M₃M₄ dài 3,38 mét;
- + Phía Tây giáp đất của bà Nguyễn Hồng S cạnh M₈M₉ dài 4,02 mét.

Đất tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh C .. (Có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 18-7-2022, ông Võ Tiến B1, bà Đỗ Thị U1 có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đến ngày 13-9-2022 và tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Võ Tiến B1, bà Đỗ Thị U1 tiếp tục có đơn yêu cầu hủy án sơ thẩm, lý do vì: Đưa thiếu người tham gia tố tụng, ông Tuy đang tham gia tố tụng chết, ông Võ Tiên Phong là con ông Tuy (chết trước ông Tuy), nhưng không đưa các con ông Võ Tiên Phong vào tham gia tố tụng. Ngoài ra, không đưa bà Diễm vào tham gia tố tụng (bà Diễm giáp ranh với ông Mau) phần đất đối diện phần đất đang tranh chấp (đất phía bên đầu

lộ) giữa các bên. Đồng thời, chưa làm rõ ai là người lấn đất, vì ông Tuy sang cho ông Kinh, ông Kinh sang lại cho ông H2 (Huỳnh) ở vị trí ở đâu chưa làm rõ, việc tuyên trả đất nguyên đơn thì nguyên đơn lấy đất đâu để trả cho ông H2.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy án của bị đơn với căn cứ:

- Đối chiếu các số liệu về diện tích đất của bà Nguyễn Hồng S và ông Võ Văn T1 (Tuy) được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phần đất của bà Nguyễn Hồng S xác định kể cả phần đất đang tranh chấp thì phần đất của bà Nguyễn Hồng S còn thiếu 861.5m² và đất của ông T1 (Tuy) thừa 3.791,8m². Ông B1 cho rằng đất ông Tuy dư là do trước đây không kê khai ao đìa nay đo luôn ao đìa là không có cơ sở.

+ Tại hồ sơ thể hiện chính ông T1 (Tuy) đã thừa nhận việc di dời cột mốc và đồng ý nhờ chính quyền địa phương làm trọng tài đo đạc lại và chia đôi phần đất tranh chấp với bà S. Cụ thể là tại biên bản hòa giải tại ấp Đông Hưng ngày 20 tháng 7 năm 2017 và tại UBND xã Tân Hưng Đông ngày 30 tháng 8 năm 2017, nhưng sau đó thì ông T1 (Tuy) không đồng ý.

+ Ngoài ra tại hòa giải, phiên tòa sơ thẩm ông H2 đều thừa nhận diện tích đất nguyên đơn kiện đòi không nằm trong quyền sử dụng đất ông đã nhận chuyển nhượng.

+ Tại tòa phúc thẩm, ông H2 cho rằng khi ông sang nhượng bà S cũng không có ký giáp ranh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Tiến B1, bà Đỗ Thị U1; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của ông Võ Tiến B1, bà Đỗ Thị U1. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Tòa sơ thẩm đã thụ lý đúng thẩm quyền và giải quyết đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do cần thu thập chứng cứ, nên Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa hỏi 02 cơ quan chức năng xác định phần đất tranh chấp.

[2] Về hiện trạng phần đất tranh chấp: Tại bản trích đo hiện trạng đất đang tranh chấp giữa các đương sự ngày 20 tháng 4 năm 2018 thể hiện phần đất của bà S và ông T1 (Tuy) có vị trí nằm liền kề với nhau, diện tích tranh chấp 1.016,5 m². Phần đất của bà Nguyễn Hồng S đang trực tiếp quản lý sử dụng có diện tích theo đo đạc thực tế thuộc thửa số 1 có diện tích tổng thể là 9.723,7m². Phần đất do ông Võ Văn T1 (Tuy), bà Đỗ Thị U1, anh Võ Tiến Bức và chị Nguyễn Hồng N1 đang

quản lý trên thực tế bao gồm các thửa số 2 và số 3 có tổng diện tích là 14.106,6m² (trong đó thửa số 2 là thửa đất đang tranh chấp có diện tích là 1.016,5m²).

[3] Xét căn cứ khởi kiện của nguyên đơn: Đối chiếu các số liệu về diện tích đất của bà Nguyễn Hồng S và ông Võ Văn T1 (Tuy) được cấp: Tính kể cả đất tranh chấp, thì diện tích đất của bà Nguyễn Hồng S còn thiếu 861.5m² và còn đất của ông T1 (Tuy) thừa 3.791,8m². Nguyên đơn cho rằng bị đơn có nhiều lần nhổ cột mốc lần đất của nguyên đơn, được chính quyền địa phương giải quyết nhiều lần, ông T1 cũng thừa nhận có lần đất nguyên đơn.

[4] Đối chiếu về hình thể phần đất của bà Nguyễn Hồng S và ông Võ Văn T1 (Tuy), trên sơ đồ không ảnh thì 02 phần đất này cặp ranh với nhau và có ranh giới thẳng từ tiền đến hậu, không bị gấp khúc hay lồi lõm. Hiện trạng phần đất tranh chấp, theo bà S xác định là trùng khớp với bản đồ không ảnh và hiện trạng 02 phần đất trong tờ bản đồ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự. Tại phiên hòa giải ngày 23 tháng 7 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thì bà Đỗ Thị U1, anh Võ Tiến B1 và chị Nguyễn Hồng N1 không đồng ý trả lại đất cho bà S và yêu cầu đo đạc diện tích đất của ông T1 (Tuy) đủ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, cam kết nếu có dư thì sẽ trả lại cho bà S. Trong quá trình giải quyết vụ án bà U1, anh B1, chị N1 đều thống nhất với kết quả đo đạc ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau. Như vậy, đối chiếu giữa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sơ đồ trích đo hiện trạng phần đất của ông T1 (Tuy) và bà S ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau, thì thấy rằng phần đất thực tế gia đình ông T1 (Tuy) đang quản lý thừa 3.791,8m² so với phần diện tích mà ông T1 (Tuy) được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, theo lời trình bày của Đỗ Thị U1, anh Võ Tiến B1 và chị Nguyễn Hồng N1 về việc đồng ý trả lại đất cho bà S sau khi đo đạc diện tích đất của ông T1 (Tuy) đủ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông T1 (Tuy) được cấp là phù hợp với thực tế.

[5] Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa sơ thẩm phía bị đơn xác định ông T1 (Tuy) không có lần đất của nguyên đơn, nhưng tại hồ sơ thể hiện chính ông T1 (Tuy) thừa nhận có nhổ trụ bê tông xác định ranh giới đất giữa các bên và cắm lại bằng trụ đá và cũng chính ông T1 (Tuy) đề nghị chia đôi phần đất tranh chấp để tránh mất tình làng, nghĩa xóm. Tuy nhiên, sau đó ông T1 (Tuy) thay đổi quan điểm và cho rằng mình không có lần đất của bà S. Mặt khác, tại hồ sơ có xác nhận của những người ở địa phương xác định ông T1 (Tuy) được cha cho đất trước năm 1975, nhưng chính ông T1 (Tuy) lại xác định ông được cha ông cho đất vào năm 1981. Điều này cho thấy lời trình bày của phía bị đơn và các xác nhận của những người xác nhận cho ông T1 (Tuy) về việc ông T1 (Tuy) được cho đất không trùng khớp về mặt thời gian mà ông T1 (Tuy) được cha mình cho đất là không có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh B1 cho rằng đất ông Tuy dư là do trước đây không kê khai nay đo luôn phần ao địa nhưng lời trình bày trên là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm ông H2 xác định khi ông nhận chuyển nhượng đất thì chỉ điều chỉnh trang 4 trên Giấy CNQSD, không có ký tên giáp ranh. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Lê Xuân H2 xác định đất tranh chấp theo bản vẽ các bên

không nằm trong diện tích đất của ông H2 đã sang nhượng; ông H2 cũng xác định mua đất chính ông T1 (Tuy) là người dẫn ông ra xem đất và chỉ cột mốc ranh giới rõ ràng, khi ông sang đất cột mốc cũ vẫn còn, sau đó việc dời cột mốc của ông T1 (Tuy) thì ông không biết; ông H2 cũng xác định phần đất ông nhận chuyển nhượng là từ cột mốc cũ trở về phía đất ông T1 (Tuy), án sơ thẩm xử xong ông H2 không có kháng cáo. Nay ông H2 yêu cầu đo đạc lại đất tranh chấp là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Đối với kháng cáo của ông B1, bà U1 yêu cầu hủy án sơ thẩm, cho rằng án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng, lý do vì: Đưa thiếu người tham gia tố tụng, ông Tuy đang tham gia tố tụng chết, ông Võ Tiên Phong là con ông Tuy (chết trước ông Tuy), nhưng không đưa các con ông Tuy vào tham gia tố tụng. Ngoài ra, không đưa bà Diễm vào tham gia tố tụng (bà Diễm giáp ranh với ông Mau) phần đất đổi diện phần đất đang tranh chấp (đất phía bên đầu lộ) giữa các bên. Đồng thời, chưa làm rõ ai là người lấn đất... Xét thấy, ông Tuy đang tham gia tố tụng nhưng đã chết đột ngột, nên án sơ thẩm đưa toàn bộ hàng thừa kế thứ nhất vào tham gia tố tụng là phù hợp; đối với ông Võ Tiên Phong đã chết trước ông Tuy, vụ án này là tranh chấp ranh đất, nên người kháng cáo cho rằng không đưa các con ông Phong vào tham gia tố tụng là có vi phạm tố tụng, điều này không phù hợp. Đối với việc bị đơn đề nghị đưa bà Diễm (đất đổi diện phần đất tranh chấp) vào tham gia tố tụng xét thấy cũng không phù hợp, vì bà Diễm không liên quan hay có tranh chấp gì trọng vụ án. Do khi còn sống ông Tuy sử dụng phần đất, sau khi chết các con ông sử dụng, nên án sơ thẩm tuyên buộc toàn bộ bị đơn giao trả phần đất nêu trên là phù hợp.

[8] Trên đất tranh chấp có một số cây tạp trồng trong giai đoạn trước và sau tranh chấp, tại biên bản định giá (Bút lục 131), các bên đề nghị không định giá cây cối, bị đơn cam kết, nếu buộc bị đơn trả đất thì bị đơn sẽ tự chặt cây. Vì vậy, cần sửa một phần bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; buộc bị đơn di dời, khai thác toàn bộ cây trồng để giao trả lại phần đất tranh chấp cho nguyên đơn là phù hợp.

[9] Đại diện VKSND tỉnh Cà Mau đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là phù hợp.

[10] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí sơ thẩm đã tuyên xử được giữ nguyên theo quy định.

- Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

Do không chấp nhận kháng cáo, nên ông B1, bà U1 phải chịu, đã dự nộp 300.000 đồng được chuyển thu đối trừ là phù hợp với Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Tiến B1, bà Đỗ Thị U1. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 92/2022/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Hồng S. Buộc bà Đỗ Thị U1, anh Võ Tiến B1 và chị Nguyễn Hồng N1 phải di dời, khai thác toàn bộ cây trồng trả lại cho bà S phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 1.016,5 m², phần đất có vị trí tứ cận như sau:

- + Phía Bắc giáp đất ông Võ Văn T1 (Tuy) cạnh M₃M₈ dài 278,54 mét;
- + Phía Nam giáp đất bà Nguyễn Hồng S cạnh M₄M₉ dài 278 mét;
- + Phía Đông giáp đất Quốc lộ 1A cạnh M₃M₄ dài 3,38 mét;
- + Phía Tây giáp đất của bà Nguyễn Hồng S cạnh M₈M₉ dài 4,02 mét.

Đất tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh C .. (Có sơ đồ kèm theo phát hành ngày 20-4-2018)

2. Buộc bà Đỗ Thị U1, anh Võ Tiến B1 và chị Nguyễn Hồng N1 phải hoàn trả lại chi phí thẩm định tại chỗ và chi phí định giá cho bà Nguyễn Hồng S tổng cộng là 23.370.000 đồng.

Đối với số tiền nêu trên kể từ ngày bà Nguyễn Hồng S có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà U1, anh B1 và chị N1 không thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Nguyễn Hồng S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, đã dự nộp 300.000 đồng theo biên tạm ứng án phí số: 000388 ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước được nhận lại. Bà Đỗ Thị U1 được miễn án phí. Buộc anh Võ Tiến B1 và chị Nguyễn Hồng N1 phải chịu 300.000 đồng.

- *Án phí phúc thẩm:* Ông B1, bà Tiến phải chịu, đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0008294 ngày 20-7-2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập

Đặng Minh Trung

Huỳnh Văn Út

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- TAND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Út

